

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013



Tháng 8, 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phan Châu	Chủ tịch
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2013)
Ông Dư Hữu Danh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2013)
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Huỳnh Thanh Diễm Trang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dư Hữu Danh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013



Số: 70/2013/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 29 tháng 08 năm 2013, trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Số dư đầu kỳ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác còn chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ lần lượt như sau: Công nợ phải thu khách hàng là 14.308.802.538 đồng (trong đó Công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân là 9.494.197.091 đồng), công nợ phải thu khác là 15.453.102.538 đồng (trong đó Công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt là 10.618.833.885 đồng).

Đến thời điểm lập Báo cáo này, các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác còn chưa được đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ với các đối tượng liên quan lần lượt như sau: Công nợ phải thu khách hàng là 12.228.761.116 đồng (trong đó Công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân là 9.494.197.091 đồng), công nợ phải thu khác là 16.915.649.632 đồng (trong đó Công nợ với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt là 11.368.833.885 đồng).

Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế. Tuy nhiên, với những tài liệu và tình hình thực tế, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản công nợ này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2013.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 30/06/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2013-112-1

A handwritten signature in blue ink, belonging to Tô Thị Thanh Nga.

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1183-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		37.309.681.054	45.709.248.875
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.973.073.493	9.782.714.864
Tiền	111		5.973.073.493	9.282.714.864
Các khoản tương đương tiền	112		-	500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.021.018.090	30.226.425.347
Phải thu khách hàng	131		17.238.517.413	18.688.765.513
Trả trước cho người bán	132		3.463.472.607	3.111.751.602
Các khoản phải thu khác	135	5	17.108.120.754	20.215.000.916
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(11.789.092.684)	(11.789.092.684)
Hàng tồn kho	140	7	484.671.345	515.890.313
Hàng tồn kho	141		579.957.167	611.176.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	(95.285.822)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.830.918.126	5.184.218.351
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.419.231.688	455.307.241
Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.955.786	45.099.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	310.700.106	161.399.252
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.014.030.546	4.522.412.714
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.331.018.684	56.648.391.233
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		46.207.521.502	48.680.971.198
Tài sản cố định hữu hình	221	11	31.767.976.049	34.719.062.108
- Nguyên giá	222		54.566.620.805	56.154.139.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.798.644.756)	(21.435.077.751)
Tài sản cố định vô hình	227	12	13.750.000.000	13.750.000.000
- Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	689.545.453	211.909.090
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	5.257.163.112	5.257.163.112
Đầu tư dài hạn khác	258		11.053.163.112	11.053.163.112
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		4.866.334.070	2.710.256.923
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	497.715.942	751.097.900
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.694.793.054	674.583.949
Tài sản dài hạn khác	268	17	2.673.825.074	1.284.575.074
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		93.640.699.738	102.357.640.108

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.969.473.585	32.898.039.968
Nợ ngắn hạn	310		16.315.067.935	24.413.856.184
Vay và nợ ngắn hạn	311	18	2.491.513.040	2.491.513.040
Phải trả người bán	312		1.039.333.424	96.069.024
Người mua trả tiền trước	313		505.032.455	4.484.290.959
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	596.856.464	1.335.596.521
Phải trả người lao động	315		934.179.922	1.425.988.433
Chi phí phải trả	316	20	3.906.780.115	3.316.308.728
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	21	6.841.372.515	11.264.089.479
Nợ dài hạn	330		8.654.405.650	8.484.183.784
Phải trả dài hạn khác	333	23	1.896.799.350	1.443.699.350
Vay và nợ dài hạn	334	22	6.508.486.960	6.508.486.960
Doanh thu chưa thực hiện	338		249.119.340	531.997.474
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.671.226.153	69.459.600.140
Vốn chủ sở hữu	410	24	68.671.226.153	69.459.600.140
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(13.380.952.600)	(12.592.578.613)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		93.640.699.738	102.357.640.108

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
Ngoại tệ các loại				
- USD			9.830,76	9.156,62

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang

Tổng Giám đốc



Dư Hữu Danh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	44.226.377.448	41.334.698.140
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	25	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	44.226.377.448	41.334.698.140
Giá vốn hàng bán	11	26	41.282.804.157	37.056.604.320
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.943.573.291	4.278.093.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	398.267.510	982.585.433
Chi phí tài chính	22	28	664.221.300	851.524.774
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		656.250.000	845.183.561
Chi phí bán hàng	24	29	58.749.455	363.087.386
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	4.728.244.668	8.718.878.830
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.109.374.622)	(4.672.811.737)
Thu nhập khác	31	31	950.212.435	3.782.459.661
Chi phí khác	32	32	645.402.460	157.590.394
Lợi nhuận khác	40		304.809.975	3.624.869.267
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.804.564.647)	(1.047.942.470)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.018.445	9.837.691
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.669.492)	(455.190.025)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.806.913.600)	(602.590.136)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(1.806.913.600)	(602.590.136)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang

Tổng Giám đốc



Dư Hữu Danh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(1.804.564.647)	(1.047.942.470)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	2.567.633.901	2.630.752.735
Các khoản dự phòng	3	-	2.183.192.830
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái	4	-	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(386.435.580)	(984.430.433)
Chi phí lãi vay	6	656.250.000	845.183.561
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	1.032.883.674	3.626.756.223
Tăng giảm các khoản phải thu	9	7.567.676.200	(12.290.416.719)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	31.218.968	320.375.016
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(9.430.897.719)	4.299.167.987
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.170.881.279)	447.725.852
Tiền lãi vay đã trả	13	(690.471.300)	(845.183.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(246.928.956)	(100.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	524.748.499	219.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(392.450.003)	(138.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.775.101.916)	(4.461.375.202)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(295.450.000)	(10.474.545)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	614.545.456	21.363.636
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	177.561.954	982.585.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	496.657.410	993.474.524
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.531.196.865)	(2.090.758.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	(1.531.196.865)	(2.090.758.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.809.641.371)	(5.558.658.978)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.782.714.864	15.983.551.927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.973.073.493	10.424.892.949

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang

Tổng Giám đốc



Dư Hữu Danh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vận chuyển Sài Gòn Tourist, số ĐKKD: 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013).

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn

- Địa chỉ: Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân

- Địa chỉ: Số 01 Đường 42, Phường 4, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 2.482.327.200 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tại thời điểm 30/06/2013, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Công ty sẽ căn cứ vào khả năng thu hồi các khoản nợ và trích lập dự phòng vào cuối năm tài chính.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 7 năm kể từ năm 2007.

Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành, bảo vệ.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.054.536.109	751.225.346
Tiền gửi ngân hàng	4.918.537.384	8.531.489.518
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
Cộng	5.973.073.493	9.782.714.864

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP KD & PT Nhà An Nghiệp Phát	2.762.225.940	2.762.225.940
Phải thu bảo hiểm của lái xe taxi	1.051.314.773	1.109.560.395
Công ty CP Đầu tư Tài chính Đất Việt (1)	11.368.833.885	10.618.833.885
Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa (2)	370.000.000	370.000.000
Phải thu thù lao đã trả cho HĐQT	222.391.972	165.894.324
Ứng trước Vietnam Airline	-	3.673.477.858
Lãi dự thu	399.745.556	179.040.000
Công ty CP XNK Việt Tiệp	196.011.241	196.011.241
Phải thu khác	737.597.387	1.139.957.273
Cộng	17.108.120.754	20.215.000.916

(1): Là khoản phải thu tiền hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án tại 99C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (Công ty Đất Việt) ngày 17/06/2010 về việc hợp tác đầu tư, đóng góp tài chính và tài sản để thực hiện dự án nêu trên và cùng nhau thành lập công ty cổ phần (Công ty Thực hiện Dự án) theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam để trực tiếp thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

Theo đó, Công ty sẽ đóng góp bằng cách chuyển giao toàn bộ mặt bằng Khu Đất Dự Án và quyền sở hữu các công trình trên Khu đất nêu trên cho Công ty Đất Việt thực hiện dự án và Công ty Đất Việt sẽ cung cấp toàn bộ nguồn tài chính cần thiết để xin cấp phép xây dựng, lập dự án đầu tư và tiến hành xây dựng, khai thác Dự án Chung cư cao cấp - Cao ốc Văn phòng trên khu đất dự án nêu trên.

Căn cứ vào thỏa thuận phân chia kết quả kinh doanh của Hợp đồng hợp tác đầu tư thì trong thời gian kể từ khi bàn giao mặt bằng Khu Đất Dự Án cho đến khi Dự Án đã hoàn thành chính thức được đưa vào khai thác, kinh doanh, Công ty Đất Việt đồng ý trả cho Công ty 1.500.000.000 đồng/năm hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng mà Công ty đã chi trả. Số tiền này sẽ không đổi trong suốt thời hạn thi công, xây dựng và hoàn thiện Dự án.

Năm 2011, do khó khăn chung của thị trường bất động sản nên dự án kéo dài chưa triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động kinh doanh như dự kiến do dự án chậm khởi công, cả hai bên đã thống nhất ký phụ lục hợp đồng ngày 14/04/2011 về việc Công ty Đất Việt đồng ý hỗ trợ thêm cho Công ty trong 2 năm (2011 và 2012) mỗi năm 6.400.000.000 đồng. Khoản chi này được tính vào tiền góp của Công ty Đất Việt vào thực hiện Dự Án.

Đến nay, Công ty chưa thu đầy đủ tiền hỗ trợ theo đúng tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng.

(2): Là khoản Công ty cho Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa (Vinh Đa) vay theo Công văn số 120822/VD và Công văn số 230812/VD/KT.

Công văn số 120822/VD ngày 22/08/2012, số tiền Công ty Vinh Đa mượn của Công ty là 70.000.000 đồng, thời hạn là 3 tháng từ ngày 22/08/2012 đến 22/11/2012.

Công văn số 230812/VD/KT ngày 23/08/2012, số tiền Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa mượn của Công ty là 300.000.000 đồng, thời hạn là 1 tháng từ ngày 23/08/2012 đến 23/09/2012.

Theo hai công văn nêu trên, nếu sau thời hạn thanh toán, Vinh Đa chưa hoàn trả số tiền đã mượn, Vinh Đa sẽ chịu lãi đối với thời gian quá hạn, theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa thực hiện dự thu lãi đối với hai khoản cho mượn này.

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (*)

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP KD và PT nhà An Nghiệp Phát	1.381.112.970	1.381.112.970
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	8.340.639.838	8.340.639.838
Công ty XNK Việt Tiệp	1.600.615.657	1.600.615.657
Công ty CP Việt Nam Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
Khác	188.687.744	188.687.744
Cộng	11.789.092.684	11.789.092.684

(*): Căn cứ vào khả năng thu hồi được của các khoản nợ phải thu khó đòi, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	428.118.286	451.737.945
Công cụ, dụng cụ	26.878.353	27.275.353
Hàng hoá	124.950.528	132.162.837
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	579.957.167	611.176.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	(95.285.822)
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	484.671.345	515.890.313

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Chi phí hội viên Radius	116.111.461	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	358.835.398	126.101.398
Chi phí khám sức khỏe nhân viên	52.050.000	-
Chi phí bảo hiểm xe	99.700.282	-
Chi phí vỏ ruột bình điện	214.036.960	-
Phân bổ CCDC	290.875.235	47.722.829
Chi phí sửa chữa xe	8.590.000	136.982.697
Khác	279.022.352	144.500.317
Cộng	1.419.231.688	455.307.241

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	200.336.936	144.087.342
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	16.342.414	17.311.910
Thuế giá trị gia tăng	94.020.756	-
Cộng	310.700.106	161.399.252

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	2.167.217.146	2.676.599.314
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	846.813.400	1.845.813.400
Trong đó:		
+ Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	700.000.000	700.000.000
+ Ký quỹ xuất khẩu lao động	-	1.000.000.000
+ Khác	146.813.400	145.813.400
Cộng	3.014.030.546	4.522.412.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	1.383.565.206	525.359.051	53.774.242.925	470.972.677	56.154.139.859
- Mua trong kỳ	-	-	265.740.000	29.710.000	295.450.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(796.868.186)	-	(796.868.186)
- Giảm khác	(44.136.326)	(142.259.010)	-	(288.614.994)	(475.010.330)
- Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	-	(611.090.538)	-	(611.090.538)
Tại 30/06/2013	1.339.428.880	383.100.041	52.632.024.201	212.067.683	54.566.620.805
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2013	1.100.853.605	421.190.042	19.504.851.691	408.182.413	21.435.077.751
- Khấu hao trong kỳ	4.283.508	8.420.338	2.526.630.644	28.299.411	2.567.633.901
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(182.430.200)	-	(182.430.200)
- Giảm khác	(44.136.326)	(134.721.291)	-	(231.688.541)	(410.546.158)
- Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	-	(611.090.538)	-	(611.090.538)
Tại 30/06/2013	1.061.000.787	294.889.089	21.237.961.597	204.793.283	22.798.644.756
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	282.711.601	104.169.009	34.269.391.234	62.790.264	34.719.062.108
Tại 30/06/2013	278.428.093	88.210.952	31.394.062.604	7.274.400	31.767.976.049

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

3.734.513.981 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2003, thay đổi chủ được cập nhật ngày 24/10/2008, khu đất có diện tích là 616,30 m². Tài sản này được dùng thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh để đảm bảo cho Hợp đồng vay số 09.111001/HĐTD-TDH trình bày tại thuyết minh số 22.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tổng số chi phí XD CB dở dang	689.545.453	211.909.090
Trong đó:		
- Chi phí đầu tư thiết kế dự án công trình văn phòng tại 106/781 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, HCM	211.909.090	211.909.090
- Chi phí thiết kế và xin cấp phép xây dựng lại tòa nhà 25 Pasteur	477.636.363	-

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/03/2013		Tại 01/10/2012	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		11.053.163.112		11.053.163.112
<u>Trong đó:</u>				
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang (1)		2.177.147.112		2.177.147.112
Tập đoàn Radius	1	80.016.000	1	80.016.000
Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (2)		5.796.000.000		5.796.000.000
Công ty TNHH TM DL Huyền Trang (3)		3.000.000.000		3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.796.000.000)		(5.796.000.000)
Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (2)		(5.796.000.000)		(5.796.000.000)
Tổng cộng		5.257.163.112		5.257.163.112

(1): Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17-08/HĐHT/STC-PS ngày 07/04/2008 để cùng góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nối dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 30 năm 9 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Đồng thời, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/HĐHTKD-TN-2009 ngày 31/03/2009 giữa Công ty và Công ty SXTM XNK Tây Nam (gọi tắt là Công ty Tây Nam) thì Công ty Tây Nam sẽ tham gia góp vốn bằng quyền khai thác lợi thế của khu đất tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh trong 30 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Công ty phải trả cho Công ty Tây Nam số tiền khoản lợi nhuận hàng tháng không phụ thuộc vào lãi lỗ của dự án, từ năm thứ nhất đến năm thứ năm (kể từ tháng thứ 10 sau khi bàn giao mặt bằng) số tiền là 213.845.280 đồng/tháng tương đương 12.832 USD/tháng.

Theo Công văn số 41/2013/TN-KT ngày 04/01/2013 Công ty Tây Nam yêu cầu Công ty thanh toán tiền phân chia lợi nhuận từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 là 9.631.699.200 đồng.

Hiện tại, căn cứ vào biên bản họp ngày 11/05/2013, các bên gồm Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang đã thống nhất ngưng không thực hiện dự án xây dựng công trình tòa nhà cho thuê - nhà hàng tiệc cưới tại 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Đến nay, các bên vẫn đang tiếp tục thỏa thuận để thanh lý dự án. Theo đó, công ty chưa đánh giá trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn trên tại 30/06/2013.

(2): Đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương theo hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 15%/năm. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi nào từ hợp đồng vay này.

Căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản cho vay này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định lập dự phòng 100% đối với khoản cho vay này.

(3): Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn đầu tư vào Công ty TNHH TM DL Huyện Trang theo hợp đồng liên doanh khai thác ngày 01/08/2012 cùng khai thác khu du lịch Huyện Trang tại xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận. Thời hạn hợp tác 02 năm kể từ ngày 01/08/2012 đến hết ngày 31/07/2014, lãi suất 18%/năm.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa nhà Nguyễn Kiệm	96.528.909	96.528.909
Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur	51.300.000	477.636.363
Thiết kế xây dựng sân tập lái tại Củ Chi	86.321.590	107.321.590
Phí làm lễ đường, sân tập lái xe tại Củ Chi	177.500.000	-
Công cụ dụng cụ	64.752.046	69.611.038
Khác	21.313.397	-
Cộng	497.715.942	751.097.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. TÀI SẢN THUẾ HOẢN LẠI

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời	8.473.965.270	8.465.617.810
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	(1.018.539.613)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.694.793.054	674.583.949

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	100.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH MTV TM DV & XNK Nhất Việt	43.121.800	43.121.800
Công ty TNHH MTV TM & DV Huy Hoàng Hà	372.000.000	372.000.000
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH May Nam Phú	317.250.000	-
Công ty TNHH Du lịch Trần Việt	70.000.000	-
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực 2	2.000.000	-
Công ty LD Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn	48.000.000	48.000.000
Khác	20.000.000	20.000.000
Cộng	2.673.825.074	1.284.575.074

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTD-TDH ngày 02/10/2009. <<Xem tại thuyết minh số 22>>.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	110.970.291	590.152.075
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	437.605.184	624.266.101
Thuế thu nhập cá nhân	5.832.548	2.834.546
Các loại thuế khác	42.448.441	118.343.799
Cộng	596.856.464	1.335.596.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	26.250.000
Phí gửi xe	192.163.458	136.704.000
Phí kiểm toán	53.500.000	48.500.000
Thuê mặt bằng	1.336.843.580	1.412.040.000
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	60.000.000	60.000.000
Vé máy bay công tác năm 2012	154.044.066	154.044.066
Phí lệ phí	172.818.643	-
Thuê xe du lịch	225.592.464	-
Chi phí xăng xe	180.794.147	-
Chi phí xuất khẩu lao động	704.856.781	704.856.781
Chi phí lãi hành	539.674.009	551.925.680
Chi phí phải trả khác	286.492.967	221.988.201
Cộng	3.906.780.115	3.316.308.728

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	133.456.276	68.918.145
Cổ tức phải trả	3.744.534.205	5.275.731.070
Trung tâm Xuất khẩu lao động	435.938.547	765.949.162
Bảo hiểm tài xế xe liên kết phải nộp	154.379.236	-
Tiền ứng trước thực hiện Tour	205.840.180	106.771.934
Phải trả tiền vé máy bay Việt Nam Airline	280.587.232	2.655.220.410
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	-	139.300.000
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	1.334.841.075	1.337.600.075
Khác	551.795.764	914.598.683
Cộng	6.841.372.515	11.264.089.479

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Là khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTD-TDH ngày 02/10/2009 để mua 100 xe Toyota Vios 1.5E phục vụ cho kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay là 5 năm từ ngày 02/10/2009 đến 05/10/2014. Lãi suất vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam cộng 3%/năm, mức lãi suất này được điều chỉnh vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009, khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ của Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	58.900.000	58.900.000
Nhận ký quỹ của Australian Trade Commiccion	19.500.000	19.500.000
Nhận ký quỹ của Văn phòng đại diện CN Quảng Ninh	5.000.000	5.000.000
Nhận ký quỹ của Công ty CP ĐT & PT An Thiện Nhân	150.000.000	150.000.000
Nhận ký quỹ của các tài xế lái xe du lịch và xe taxi	1.139.547.350	1.104.047.350
Ký quỹ xe ngoài Taxi	418.600.000	-
Ký quỹ đồng phục nhân viên bảo vệ	105.252.000	106.252.000
Cộng	1.896.799.350	1.443.699.350

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tình hình góp vốn của của Công ty như sau:

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	12.158.740.000	12.158.740.000
Các cổ đông khác	44.556.320.000	44.556.320.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

24.2 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2012	80.000.000.000	2.052.178.753	11.523.883.365	93.576.062.118
- Lợi nhuận trong năm	-	-	(20.620.370.141)	(20.620.370.141)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(77.552.224)	(77.552.224)
- Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	-	(1.018.539.613)	(1.018.539.613)
Tại 31/12/2012	80.000.000.000	2.052.178.753	(12.592.578.613)	69.459.600.140
Tại 01/01/2013	80.000.000.000	2.052.178.753	(12.592.578.613)	69.459.600.140
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(1.806.913.600)	(1.806.913.600)
- Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	-	1.018.539.613	1.018.539.613
Tại 30/06/2013	80.000.000.000	2.052.178.753	(13.380.952.600)	68.671.226.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. DOANH THU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.226.377.448	41.334.698.140
Trong đó:		
+ Doanh thu taxi	11.706.416.883	12.322.646.925
+ Doanh thu xe du lịch	3.899.219.969	4.070.840.849
+ Doanh thu khai thác dịch vụ du lịch	2.118.890.152	3.948.725.953
+ Doanh thu đào tạo	1.901.170.364	73.884.545
+ Doanh thu lữ hành	17.644.664.968	15.196.889.811
+ Doanh thu dịch vụ bảo vệ	6.956.015.112	5.721.710.057
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	44.226.377.448	41.334.698.140

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn taxi	11.710.312.513	11.707.291.341
Giá vốn xe du lịch	3.237.098.688	3.728.360.471
Giá vốn khai thác dịch vụ du lịch	2.132.963.806	3.752.882.447
Giá vốn đào tạo	1.768.315.743	671.487.106
Giá vốn lữ hành	16.352.210.155	12.580.860.958
Giá vốn dịch vụ bảo vệ	6.081.903.252	4.615.721.998
Cộng	41.282.804.157	37.056.604.320

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	173.267.510	982.585.433
Lãi đầu tư Công ty TNHH TMDL Huyền Trang	225.000.000	-
Cộng	398.267.510	982.585.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền vay	656.250.000	845.183.561
Chi phí tài chính khác	7.971.300	6.341.213
Cộng	664.221.300	851.524.774

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí dụng cụ và đồ dùng văn phòng	44.159.170	196.286.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.200.000
Chi phí khác bằng tiền	14.590.285	161.600.427
Cộng	58.749.455	363.087.386

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.797.807.019	2.877.766.214
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.578.262	72.426.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.026.510	138.718.193
Thuế phí, lệ phí	25.604.640	24.104.640
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.183.192.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.191.632	180.675.058
Chi phí bằng tiền khác	1.344.036.605	3.241.995.552
Cộng	4.728.244.668	8.718.878.830

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	614.545.456	21.363.636
Tiền bồi thường dự án 99C Phố Quang	-	3.400.000.000
Thu nhập khác	335.666.979	361.096.025
Cộng	950.212.435	3.782.459.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	626.377.386	16.093.450
Chi phí khác	19.025.074	141.496.944
Cộng	645.402.460	157.590.394

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013
	VND	USD	VND	USD
Đô la Mỹ (USD)	-	-	188.252.220	9.830,76

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp, nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	2.491.513.040	6.508.486.960	9.000.000.000
Phải trả cho người bán	1.039.333.424	-	1.039.333.424
Chi phí phải trả	3.906.780.115	-	3.906.780.115
Các khoản phải trả khác	6.841.372.515	-	6.841.372.515
Công nợ tài chính khác	-	1.896.799.350	1.896.799.350
Cộng	14.278.999.094	8.405.286.310	22.684.285.404

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	2.491.513.040	6.508.486.960	9.000.000.000
Phải trả cho người bán	96.069.024	-	96.069.024
Chi phí phải trả	3.316.308.728	-	3.316.308.728
Các khoản phải trả khác	11.264.089.479	-	11.264.089.479
Công nợ tài chính khác	-	1.443.699.350	1.443.699.350
Cộng	17.167.980.271	7.952.186.310	25.120.166.581

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.973.073.493	-	5.973.073.493
Phải thu khách hàng	5.449.424.729	-	5.449.424.729
Đầu tư dài hạn khác	-	5.257.163.112	5.257.163.112
Các khoản phải thu khác	17.108.120.754	-	17.108.120.754
Cộng	28.530.618.976	5.257.163.112	33.787.782.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.782.714.864	-	9.782.714.864
Phải thu khách hàng	6.899.672.829	-	6.899.672.829
Đầu tư dài hạn khác		5.257.163.112	5.257.163.112
Các khoản phải thu khác	20.215.000.916	-	20.215.000.916
Cộng	36.897.388.609	5.257.163.112	42.154.551.721

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

	Taxi	Xe du lịch	Khai thác dịch vụ du lịch	Đào tạo	Lữ hành	Dịch vụ bảo vệ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	11.706.416.883	3.899.219.969	2.118.890.152	1.901.170.364	17.644.664.968	6.956.015.112	44.226.377.448
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.706.416.883	3.899.219.969	2.118.890.152	1.901.170.364	17.644.664.968	6.956.015.112	44.226.377.448
Chi phí bộ phận	(11.710.312.513)	(3.237.098.688)	(2.132.963.806)	(1.768.315.743)	(16.352.210.155)	(6.081.903.252)	(41.282.804.157)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.895.630)	662.121.281	(14.073.654)	132.854.621	1.292.454.813	874.111.860	2.943.573.291
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(4.786.994.123)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(1.843.420.832)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	398.267.510
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(664.221.300)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	950.212.435
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(645.402.460)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(4.018.445)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	1.669.492
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(1.806.913.600)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

	Taxi	Xe du lịch	Khai thác dịch vụ du lịch	Đào tạo	Lữ hành	Dịch vụ bảo vệ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	12.322.646.925	4.070.840.849	3.948.725.953	73.884.545	15.196.889.811	5.721.710.057	41.344.698.140
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.322.646.925	4.070.840.849	3.948.725.953	73.884.545	15.196.889.811	5.721.710.057	41.344.698.140
Chi phí bộ phận	(11.707.291.341)	(3.728.360.471)	(3.752.882.447)	(671.487.106)	(12.580.860.958)	(4.615.721.998)	(37.056.604.320)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	615.355.584	342.480.378	195.843.506	(597.602.561)	2.616.028.853	1.105.988.059	4.278.093.820
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	(9.081.966.216)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	(4.803.872.396)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	982.585.433
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(851.524.774)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	3.782.459.661
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(157.590.394)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(9.837.691)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	455.190.025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(602.590.136)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	293.057.000
Cộng	293.057.000

35.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH - MTV, Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa...

	Tại 30/06/2013 VND
Các khoản phải thu khác	370.000.000
- Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa	370.000.000

35.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty đã được soát xét bởi các Công ty TNHH Kiểm toán DTL, và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập / Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Diễm Trang



Tổng Giám đốc

Dư Hữu Danh